

Số: 297/2020/QĐST-HNGĐ

Thuận An, ngày 01 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 434/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020 về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Phạm Khắc H, sinh năm 1984; HKTT: Thôn An K, xã Q, huyện P, tỉnh Thái Bình; tạm trú: khu phố B, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Bà Trần Thị Thu N, sinh năm 1984; HKTT: phường T, quận P, thành phố H; tạm trú: khu phố B, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Khắc H và bà Trần Thị Thu N tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận P, thành phố H, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 243, quyển số 01/2007 ngày 05/9/2007.

Sau khi kết hôn, ông H, bà N chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra cãi vã nhau, đời sống không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều hơn. Ông H, bà N đã nói chuyện với nhau nhiều lần để tìm lại tiếng nói chung nhưng không được. Tuy ông H, bà N còn chung sống một nhà nhưng việc ai người đó làm, không còn quan tâm đến nhau. Nay ông H, bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông H, bà N thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Quá trình chung sống ông Phạm Khắc H và bà Trần Thị Thu N có 02 người con chung tên Phạm Trần Thu P, sinh ngày 13/11/2007 và Phạm Trần Bảo N, sinh ngày 26/10/2013. Ông H và bà N thỏa thuận, sau khi ly hôn, bà N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Phạm Trần Thu P; ông H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Phạm Trần Bảo N.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông H và bà N không cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông Phạm Khắc H và bà Trần Thị Thu N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Khắc H và bà Trần Thị Thu N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Trần Thị Thu N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Phạm Trần Thu P, sinh ngày 13/11/2007; ông Phạm Khắc H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Phạm Trần Bảo N, sinh ngày 26/10/2013.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông H và bà N không cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Phạm Khắc H và bà Trần Thị Thu N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0046509 ngày 13 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Phòng Tư pháp thành phố Thuận An;
- UBND phường T, Quận T, TP. H (theo CNKH số 243, quyền số 01/2007 ngày 05/9/2007);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Tuyết Ánh